PHẦN I. VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 17/2011/QĐ-TTg	*Hà Nội, ngày 14 tháng 3 năm 2011*

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy chế báo áp thấp nhiệt đới, bão, lũ

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Pháp lệnh Phòng, chống lụt, bão ngày 20 tháng 3 năm 1993 và Pháp lệnh Phòng chống lụt, bão đã được sửa đổi, bổ sung ngày 24 tháng 8 năm 2000;

Căn cứ Pháp lệnh Khai thác và Bảo vệ công trình khí tượng thủy văn ngày 02 tháng 12 năm 1994;

Căn cứ Nghị định số 24/CP ngày 19 tháng 3 năm 1997 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Khai thác và Bảo vệ công trình khí tượng thủy văn;

Căn cứ Nghị định số 08/2006/NĐ-CP ngày 16 tháng 01 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Pháp lệnh Phòng, chống lụt, bão đã được sửa đổi, bổ sung ngày 24 tháng 8 năm 2000;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế báo áp thấp nhiệt đới, bão, lũ.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 5 năm 2011 và thay thế Quyết định số 245/2006/QĐ-TTg ngày 27 tháng 10 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế báo áp thấp nhiệt đới, bão, lũ.

Mọi quy định trước đây về chế độ trách nhiệm báo áp thấp nhiệt đới, bão, lũ trái với Quyết định này đều bãi bỏ.

Điều 3. Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm chủ trì hướng dẫn, tổ chức, chỉ đạo và kiểm tra việc thực hiện Quyết định này.

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Trưởng ban Ban Chỉ đạo phòng, chống lụt, bão Trung ương, Chủ tịch Ủy ban quốc gia Tìm kiếm cứu nạn, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

THỦ TƯỚNG

Nguyễn Tấn Dũng

QUY CHẾ
BÁO ÁP THẤP NHIỆT ĐỚI, BÃO, LŨ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 17/2011/QĐ-TTg ngày 14 tháng 3 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ)

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Quy chế này quy định về hoạt động báo áp thấp nhiệt đới, bão, lũ bao gồm việc theo dõi, thu thập, xử lý thông tin, ra và truyền phát các bản tin cảnh báo, dự báo về áp thấp nhiệt đới, bão, lũ để phục vụ công tác phòng, chống, giảm nhẹ thiệt hại do áp thấp nhiệt đới, bão, lũ.

b) Hoạt động báo áp thấp nhiệt đới, bão, lũ được thực hiện đối với:

- Áp thấp nhiệt đới, bão hoạt động trên vùng biển phía tây kinh tuyến 120^0 Đông, phía bắc vĩ tuyến 05^0 Bắc và phía nam vĩ tuyến 23^0 Bắc (sau đây gọi là trên Biển Đông) hoặc áp thấp nhiệt đới, bão hoạt động ngoài Biển Đông nhưng có khả năng di chuyển vào Biển Đông trong khoảng 48 giờ tới (Phụ lục I);

- Lũ trên các sông trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam (Phụ lục II và III).

c) Các hoạt động dự báo khí tượng, thủy văn phục vụ cho các chuyên ngành, lĩnh vực đặc thù (gọi chung là chuyên ngành), do từng ngành chủ động phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường xây dựng nội dung dự báo chuyên ngành, phù hợp với mục đích quản lý và khai thác của ngành.

2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với các ngành, các cấp, các tổ chức và cá nhân có liên quan đến hoạt động báo áp thấp nhiệt đới, bão, lũ.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Xoáy thuận nhiệt đới là vùng gió xoáy (đường kính có thể tới hàng trăm km), hình thành trên biển nhiệt đới, gió thổi xoáy vào trung tâm theo hướng ngược chiều kim đồng hồ, áp suất khí quyển (khí áp) trong xoáy thuận nhiệt đới thấp hơn xung quanh, có mưa, đôi khi kèm theo dông, tố, lốc.

2. Tâm xoáy thuận nhiệt đới là vùng có trị số khí áp thấp nhất trong xoáy thuận nhiệt đới, nơi hội tụ của các luồng gió xoáy từ xung quanh thổi vào.

3. Sức gió mạnh nhất trong xoáy thuận nhiệt đới là tốc độ gió trung bình lớn nhất xác định trong thời gian 02 phút quan trắc (tính bằng cấp gió Bô - pho).

4. Gió giật là tốc độ gió tăng lên tức thời được xác định trong khoảng 02 giây.

5. Áp thấp nhiệt đới là một xoáy thuận nhiệt đới có sức gió mạnh nhất từ cấp 6 đến cấp 7 và có thể có gió giật (Phụ lục IV).

6. Bão là một xoáy thuận nhiệt đới có sức gió mạnh nhất từ cấp 8 trở lên và có thể có gió giật. Bão có sức gió mạnh nhất từ cấp 10 đến cấp 11 được gọi là bão mạnh, từ cấp 12 trở lên được gọi là bão rất mạnh (Phụ lục IV).

7. Bão đổ bộ là khi tâm bão đã vào đất liền.

8. Bão tan là bão đã suy yếu thành vùng áp thấp, sức gió mạnh nhất dưới cấp 6.

9. Vùng gió mạnh do hoàn lưu của áp thấp nhiệt đới và bão gây nên là vùng có gió xoáy mạnh từ cấp 6 trở lên.

10. Vùng chịu ảnh hưởng trực tiếp của bão hoặc áp thấp nhiệt đới là vùng có gió mạnh từ cấp 6 trở lên do bão hoặc áp thấp nhiệt đới gây ra.

11. Sai số dự báo bão là sự chênh lệch của vị trí tâm bão dự báo và tâm bão thực tế; giữa cấp gió dự báo mạnh nhất và cấp gió mạnh nhất thực tế tại thời điểm được dự báo.

12. Nước dâng do bão là hiện tượng nước biển dâng cao hơn mực nước triều bình thường do ảnh hưởng của bão.

13. Lũ là hiện tượng mực nước sông dâng cao trong khoảng thời gian nhất định, sau đó xuống và được phân thành các loại sau đây:

a) Lũ nhỏ là lũ có đỉnh lũ thấp hơn mức đỉnh lũ trung bình nhiều năm;

b) Lũ vừa là lũ có đỉnh lũ tương đương mức đỉnh lũ trung bình nhiều năm;

c) Lũ lớn là lũ có đỉnh lũ cao hơn mức đỉnh lũ trung bình nhiều năm;

d) Lũ đặc biệt lớn là lũ có đỉnh lũ cao hiếm thấy trong thời kỳ quan trắc;

đ) Lũ lịch sử là lũ có đỉnh lũ cao nhất trong chuỗi số liệu quan trắc hoặc do điều tra khảo sát được.

14. Lũ bất thường là lũ xuất hiện trước hoặc sau mùa lũ quy định tại khoản 19 Điều này hoặc do hồ chứa xả lũ, vỡ đập, tràn đập, vỡ đê.

15. Đỉnh lũ là mực nước cao nhất trong một trận lũ tại một tuyến đo. Đỉnh lũ năm là đỉnh lũ cao nhất đã quan trắc được trong năm. Đỉnh lũ trung bình nhiều năm là trị số trung bình của các đỉnh lũ năm trong thời kỳ quan trắc.

16. Biên độ lũ là trị số chênh lệch mực nước giữa đỉnh lũ và mực nước ngay trước lúc lũ lên.

17. Cường suất lũ là trị số biến đổi mực nước lũ trong một đơn vị thời gian.

18. Sai số dự báo lũ là sự chênh lệch của mực nước hoặc lưu lượng nước dự báo so với giá trị thực tế tại thời điểm được dự báo.

19. Mùa lũ là khoảng thời gian trong một năm thường xuất hiện lũ, được xác định như sau:

a) Trên các sông thuộc Bắc Bộ từ ngày 15 tháng 6 đến ngày 15 tháng 10;

b) Trên các sông từ Thanh Hóa đến Hà Tĩnh từ ngày 15 tháng 7 đến ngày 15 tháng 11;

c) Trên các sông từ Quảng Bình đến Ninh Thuận từ ngày 01 tháng 9 đến ngày 15 tháng 12;

d) Trên các sông thuộc Bình Thuận, Nam Bộ và Tây Nguyên từ ngày 15 tháng 6 đến ngày 30 tháng 11.

Điều 3. Hệ thống thông tin cảnh báo, dự báo áp thấp nhiệt đới, bão, lũ

1. Hệ thống ra bản tin cảnh báo, dự báo áp thấp nhiệt đới, bão, lũ bao gồm:

a) Trung tâm Dự báo khí tượng thủy văn Trung ương, trực thuộc Trung tâm Khí tượng Thủy văn quốc gia;

b) Các Đài Khí tượng Thủy văn khu vực, trực thuộc Trung tâm Khí tượng Thủy văn quốc gia;

c) Các Trung tâm Khí tượng Thủy văn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, trực thuộc các Đài Khí tượng Thủy văn khu vực.

2. Hệ thống truyền phát bản tin cảnh báo, dự báo áp thấp nhiệt đới, bão, lũ bao gồm:

a) Đài Tiếng nói Việt Nam;

b) Đài Truyền hình Việt Nam;

c) Hệ thống Đài thông tin Duyên hải Việt Nam;

d) Các Đài Phát thanh, Truyền hình địa phương;

đ) Hệ thống thông tin liên lạc của Bộ đội Biên phòng;